

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23- 3- 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Nô.

Ông Nguyễn Văn Ái.

Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sùng Mí S; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Vàng Thị S; sinh năm 1985; nơi cư trú cuối cùng trước khi Tòa án ra quyết định tuyên bố một người mất tích: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, bản tự khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Sùng Mí S trình bày: Anh S và chị Vàng Thị S trước khi lấy nhau được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2006 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình vợ, chồng chung sống không có mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân do vợ chị Vàng Thị S đòi đi làm Công ty đến lần thứ 03, anh S nói không cho đi làm Công ty lý do con nhỏ, bận công tác hôm sáng ngày 30/5/2017 chủ nhật chị S ở nhà giặt quần áo xong và phơi quần áo, anh làm quanh nhà không rõ lý do gì chị Vàng Thị S tự bỏ nhà đi đâu không có lý do, sau một tuần anh sang bà ngoại bên vợ hỏi không thấy ở bên đó, anh lên nhà bác bên vợ ông Vàng Sè D ở trung tâm xã X, huyện Đ, tỉnh Hà Giang hỏi không thấy vợ ở đó, anh về báo Công an viên, Công an xã P, báo chính quyền địa phương và đi tìm những gia đình quen biết. Ngoài ra thỉnh thoảng sang bên nhà mẹ đẻ chị Vàng Thị S hỏi nhưng không có kết quả thông tin liên lạc gì.

Ngày 18/5/2020 anh làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự tuyên bố chị Vàng Thị S mất tích, đến ngày 13/10/2020 Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp ra quyết định số 03/2020/QĐST-VDS Tuyên bố một người mất tích đối với chị Vàng Thị S, sinh năm 1985; Nơi cư trú trước khi biệt tích: Thôn T, xã P, huyện B. Khi có quyết định tuyên bố chị S mất tích từ đó đến nay không có tin gì. Mức thu nhập lương mỗi tháng 7.397.850đ (*Bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng*) ngoài ra không có thu nhập thêm gì. Quá trình vợ, chồng chung sống có 02 con chung Sùng Thu G, sinh ngày 12/12/2006 đang học lớp 9B trường phổ thông dân tộc nội trú, huyện B, tỉnh Hà Giang và Sùng Khánh H, sinh ngày 24/8/2008 đang học lớp 7E trường trung học cơ sở Y, huyện B. Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng không có.

Tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Vàng Thị S; về con chung: Nguyên vọng được quyền nuôi 02 con chung Sùng Thu G và Sùng Khánh H. Không yêu cầu chị Vàng Thị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung công nợ của vợ chồng: không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Sùng Thu G và Sùng Khánh H hiện nay mẹ đẻ không ở nhà và ở đâu chúng cháu không biết, nếu bố ly hôn thì nguyên vọng được ở với bố đẻ Sùng Mí S.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã P, huyện B cho biết hiện nay chị Vàng Thị S vẫn vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn anh Sùng Mí S chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, từ khi thụ ý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56; 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng Mí S được ly hôn chị Vàng Thị S; về nuôi con chung: Giao cho anh Sùng Mí S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục Sùng Thu G, sinh ngày 12/12/2006 và Sùng Khánh H, sinh ngày 24/8/2008 đến khi đủ 18 tuổi; về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Anh Sùng Mí S chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 13/10/2020 Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp ra quyết định tuyên bố chị Vàng Thị S mất tích, nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xác minh nơi cư trú chị Sinh không có mặt tại địa phương. Do đó nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án nguyên đơn anh Sùng Mí S có nơi cư trú tại huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng Mí S với chị Vàng Thị S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân tháng 5/2017 chị S bỏ đi đâu không có lý do, không nói cho anh S biết, không thấy về nhà anh S đã đi tìm kiếm không có kết quả, 02 năm sau không thấy chị S về anh S làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị S mất tích. Đến ngày 13/10/2020 Tòa án mở phiên họp “Tuyên bố một người mất tích đối với chị Vàng Thị S” theo quyết định số 03/2020/QĐST-VDS của Tòa án nhân dân huyện B.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn, do chị S bỏ nhà đi nên anh đã làm đơn yêu cầu tuyên bố chị S mất tích đến khi quyết định có hiệu lực pháp luật, vẫn không thấy chị S về nhà, nên anh S thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh S đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị S thuộc “***trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn***”. Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh S được ly hôn với chị S.

[4] Về con chung: Anh S với chị S chung sống có hai con chung Sùng Thu G, sinh ngày 12/12/2006 và Sùng Khánh H, sinh ngày 24/8/2008 hiện đang ở với anh S ổn định, việc chị S là mẹ đẻ của hai cháu hiện nay không biết địa chỉ ở đâu, ngoài ra nguyện vọng cháu Sùng Thu G và cháu Sùng Khánh H xin được ở với anh S. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với chị S bị Tòa án tuyên bố mất tích và anh S không yêu cầu về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Anh Sùng Mí S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh S chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng Mí S; xử cho anh Sùng Mí S được ly hôn chị Vàng Thị S.

2. Về nuôi con chung: Giao cho Sùng Mí S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sùng Thu G, sinh ngày 12/12/2006 và Sùng Khánh H, sinh ngày 24/8/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi chung.

Sau khi ly hôn chị Vàng Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, việc nuôi con và không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Sùng Mí S chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm anh Sùng Mí S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 04503 ngày 15/01/2021. Chị Vàng Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Hà Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công